

Trường được cấp giấy phép của tỉnh trưởng tỉnh Gifu

# HỌC VIỆN SUBARU TRƯỜNG MOTOSU HƯỚNG DẪN NHẬP HỌC



1963 KAMIMAKUWA, MOTOSU-SHI, GIFU, 501-0461 JAPAN

TEL : 058-260-9001 FAX : 058-260-9003

E-mail : [info@nihongo-subaru.com](mailto:info@nihongo-subaru.com)

<http://www.nihongo-subaru.com/>

-----Mục lục-----

|   |         |
|---|---------|
| 1. Khái niệm khóa học   | Trang 1 |
| 2. Tư cách nhập học   | Trang 1 |
| 3. Hồ sơ đề xuất xin nhập học                                     | Trang 1 |
| 4. Các bước từ khi nộp đơn đến khi nhập cảnh                      | Trang 3 |
| 5. Học phí  | Trang 4 |
| 6. Chế độ miễn giảm học phí                                       | Trang 4 |
| 7. Về ký túc xá   | Trang 5 |
| 8. Những chi phí khác   | Trang 5 |
| 9. Chuyển khoảng  | Trang 6 |
| 10. Quy định hoàn trả tiền đã nộp                                 | Trang 6 |
| 11. Về chứng nhận học vấn cuối cùng (đối tượng là người Việt Nam) | Trang 7 |

## 1. Khái niệm khóa học

| Khóa học                            | Thời kỳ nhập học | Thời kỳ ngưng nhận hồ sơ |
|-------------------------------------|------------------|--------------------------|
| Khóa dự bị tiếng nhật 2 năm         | Tháng 4          | Ngày 10 tháng 11         |
| Khóa dự bị tiếng nhật 1 năm 9 tháng | Tháng 7          | Ngày 20 tháng 3          |
| Khóa dự bị tiếng nhật 1 năm 6 tháng | Tháng 10         | Ngày 20 tháng 5          |

## 2. Tư cách nhập học

- ① Là người đã học tập trên 12 năm hay người đã hoàn thành khóa học tương đương
- ② Người bảo lãnh chi trả tài chính phải là người có đủ năng lực về tài chính
- ③ Người tuân thủ pháp luật Nhật Bản, có sức khỏe về thể chất và tinh thần tốt

## 3. Hồ sơ đề xuất xin nhập học

### ◆ Hồ sơ liên quan đến người nộp đơn

|       |  |  |
|-------|--|--|
| ①     | Đơn xin nhập học   | Hãy tải from mẫu trên trang web của trường   |
| ②     | Sơ yếu lý lịch   | Hãy tải from mẫu trên trang web của trường   |
| ③     | Chứng minh tốt nghiệp  | Bảng gốc bằng tốt nghiệp hay giấy chứng nhận tốt nghiệp<br>Người đang học lớp 12 thì phải có bảng gốc của bằng chứng minh là dự kiến sẽ tốt nghiệp như số ⑤ phía dưới đây  |
| ④     | Chứng minh thành tích học tập  | Bảng gốc của bằng chứng minh thành tích tốt nghiệp hay khi tốt nghiệp cuối cùng  |
| ⑤     | Dự kiến tốt nghiệp, đang học, ngưng học, nghỉ học, chứng minh nghề nghiệp (chỉ người nào có đi làm)  | Người đang học, ngưng học, nghỉ học, người đang đi làm thì phải có bảng gốc giấy chứng nhận đó<br>Người đang học sắp tốt nghiệp thì phải có bảng gốc của giấy chứng nhận dự kiến sẽ tốt nghiệp   |
| ⑥     | Giấy tờ chứng minh Năng lực tiếng Nhật, quá trình học tiếng (chỉ những người cần thiết)  | Đề xuất bảng gốc giấy nhận định thành tích liên quan đến tiếng Nhật như thi năng lực tiếng Nhật, J.TEST, NATTEST. Người có tham gia kỳ thi đó phải đề xuất bảng thành tích gốc)<br>Ngoài ra nếu có học tập tiếng nhật tại cơ quan giáo dục tiếng nhật thì xin hãy đề xuất giấy tờ giấy chứng nhận đã học tập |
| ⑦     | Các giấy tờ có thể chứng minh được trên pháp lý như quốc tịch, họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, địa chỉ hiện tại, và cấu thành gia đình | Như là sổ hộ khẩu, giấy khai sinh<br>Người Trung Quốc phải copy「Sổ hộ khẩu cư dân」và「giấy phép cư trú tạm thời」<br>Hãy chuẩn bị những phân mới thay đổi nội dung gần đây nhất  |
| ⑧     | Bảng copy hộ chiếu (chỉ người có hộ chiếu)   | Trang có ghi các lần đến Nhật, trang thông tin cá nhân   |
| ⑨     | 8 tấm hình(cao 4cm×ngang 3cm)  | Hình (ảnh) được copy lại bằng copy màu thì không được. Phải là hình (ảnh) được chụp trong vòng 3 tháng trước khi nộp đơn   |
| ⑩     | Các giấy tờ cần thiết khác khi trường chúng tôi yêu cầu.   | Sẽ có trường hợp phải đề xuất những giấy tờ khác khi cần thiết   |
| Chú ý | <b>Người Việt Nam thì cần phải có giấy chứng nhận liên quan đến học vấn.<br/>(Hãy tham khảo phương pháp chứng nhận ở trang 7)</b>                        |  |

### ◆ Hồ sơ liên quan đến người chi trả kinh phí

|   |  |   |
|---|--|---|
| ① | Bảng cam kết chi trả kinh phí  | Hãy tải from mẫu trên trang web của trường  |
| ② | Tư liệu chứng nhận mối quan hệ với người nộp đơn.<br>(Nếu người nộp đơn là người chi trả kinh phí thì không cần) | Như là sổ hộ khẩu, giấy khai sinh<br>Người Trung Quốc thì phải có 「Giấy công chứng mối quan hệ thân tộc」  |
| ③ | Chứng minh tiền gửi còn lại trong ngân hàng  | Là sổ tiết kiệm có tên danh nghĩa của người chi trả kinh phí  |
| ④ | Giấy tờ có thể thuyết minh quá trình tích lũy số tiền đó để gửi tiết kiệm ở phần số ③ ※ Tư liệu                  | ※ Tư liệu<br>▪ Copy sổ ngân hàng<br>▪ Như là các giấy tờ chứng minh việc bán tài sản  |
| ⑤ | Giấy chứng nhận nghề nghiệp  | ▪ Giấy chứng nhận đang làm việc (nếu đang làm tại công ty)<br>▪ Bảng đăng ký pháp nhân của công ty (Nếu là người có chức quyền trong công ty)<br>▪ Giấy phép kinh doanh (nếu là người tự kinh doanh)<br>▪ Copy bảng khai báo cáo thu nhập để tính thuế (Nếu là người sống tại Nhật bản mà đang tự kinh doanh) |
| ⑥ | Giấy chứng nhận thu nhập<br>(Trường hợp người chi trả kinh phí cư trú ngoài Nhật bản)                            | Phần của 3 năm trước  |
| ⑦ | Thu nhập, Chứng minh nộp thuế<br>(Trường hợp người chi trả kinh phí cư trú tại Nhật bản)                         | Phần của 3 năm trước  |
| ⑧ | Giấy tờ chứng minh sự cấu thành trong gia đình.  | Người trung quốc thì phải copy toàn bộ các trang hộ khẩu dân cư.  |
| ⑨ | Phiếu thường trú<br>(nếu người chi trả kinh phí đang sống tại Nhật)  | Bảng được ghi toàn thể các thành viên trong gia đình.   |
| ⑩ | Các tư liệu cần thiết khác khi trường chúng tôi yêu cầu.   | Sẽ có trường hợp phải đề xuất những tư liệu khác khi cần thiết.   |

#### ◆ Các mục cần lưu ý

- ① Trường hợp có chỗ cần sửa chữa (đính chính), thì không được sử dụng bút xóa (dung dịch bôi xóa), mà hãy kẻ 2 dòng lên trên chỗ cần sửa rồi dùng con dấu đóng dấu (hay ký tên) vào trên chỗ đấy.
- ② Khi ghi hồ sơ, thì như phần là ghi tên, địa chỉ không được ghi ngắn gọn mà phải ghi rõ ràng, đầy đủ.
- ③ Về các giấy chứng nhận, xin hãy đề xuất loại giấy tờ có ghi rõ số điện thoại, địa chỉ, họ tên, chức vụ của người phát hành.
- ④ Tất cả các loại giấy tờ, hãy đề xuất giấy tờ tính từ ngày phát hành cho đến ngày nộp cho cục quản lý xuất nhập cảnh không được quá 3 tháng (tham khảo trang 3)
- ⑤ Phần giấy trống của các giấy tờ copy, thì hãy ghi ngày tháng copy, họ tên người copy, liên quan với người nộp đơn như thế nào.  
Ghi ví dụ: Ngày 10 tháng 5 năm 2015 SUBARU TARO (Bố của người nộp đơn)
- ⑥ Văn bản khác ngoài tiếng Nhật, xin hãy đính kèm bản dịch ra bằng tiếng Nhật.

#### 4. Các bước từ khi nộp đơn cho đến khi nhập cảnh

|  | Nhập học tháng 4     | Nhập học tháng 7    | Nhập học tháng 10    |
|--|----------------------|---------------------|----------------------|
| <p><b>Bước 1: Đề xuất hồ sơ và nộp tiền nộp hồ sơ</b><br/>           Người nộp đơn (người thay thế nộp đơn) phải gửi toàn bộ hồ sơ cần thiết, và chuyển tiền nộp hồ sơ vào tài khoản của trường chúng tôi (tham khảo trang 6).</p>   | Đến ngày 10 tháng 11 | Đến ngày 20 tháng 3 | Đến ngày 20 tháng 5  |
| <p><b>Bước 2: Đề xuất hồ sơ cho cục quản lý xuất nhập cảnh</b><br/>           Xét tuyển hồ sơ (có trường hợp phỏng vấn, làm bài test), đối với người thi đậu thì trường sẽ cấp phát [Giấy phép nhập học], và sẽ đề xuất hồ sơ cho cục quản lý xuất nhập cảnh.</p>  | Trung tuần tháng 12  | Trung tuần tháng 4  | Trung tuần tháng 6   |
| <p><b>Bước 3: Thông báo được cấp phát giấy chứng nhận tư cách lưu trú</b><br/>           Sau khi cục quản lý xuất nhập cảnh thẩm tra hồ sơ xong thì sẽ được thông báo việc cấp phát giấy chứng nhận tư cách lưu trú.<br/> <u>Người được cấp phát</u><br/>           Sẽ hướng dẫn việc nộp chi phí ký túc, tiền học cùng với thông báo được cấp giấy chứng nhận.<br/> <u>Người không được cấp phát</u><br/>           Sẽ thông báo không được cấp giấy chứng nhận.</p>  | Hạ tuần tháng 2      | Hạ tuần tháng 5     | Hạ tuần tháng 8      |
| <p><b>Bước 4: Nộp học phí, phí ký túc xá</b><br/>           Người làm đơn (hay đại lý) phải nộp học phí, phí ký túc vào tài khoản ngân hàng mà trường chỉ định (tham khảo trang 6).<br/>           Sau khi xác nhận đã nộp tiền thì trường chúng tôi sẽ gửi “giấy báo nhập học” và “giấy chứng nhận tư cách lưu trú”.</p>  | Thượng tuần tháng 3  | Thượng tuần tháng 6 | Thượng tuần tháng 9  |
| <p><b>Bước 5: Xin visa</b><br/>           Người làm đơn hãy đến đại sứ quán hay lãnh sự quán Nhật để làm thủ tục xin visa</p>  | Trung tuần tháng 3   | Trung tuần tháng 6  | Trung tuần tháng 9   |
| <p><b>Bước 6: Cấp phát visa</b><br/> <u>Người được cấp visa</u><br/>           Sau khi lấy được visa thì hãy liên lạc đến trường chúng tôi. Trường sẽ hướng dẫn việc nhập cảnh / nhập học.<br/>           Sau đó đặt vé máy bay, và liên lạc báo cho trường chúng tôi biết chuyến bay, ngày giờ bay đến Nhật.<br/> <u>Người không được cấp visa</u><br/>           Hãy gửi trả lại cho trường giấy phép nhập học và giấy chứng minh việc không được cấp phát visa. Sau đó trường sẽ trả lại tiền học phí nhưng trừ ra tiền nộp đơn và tiền xin nhập học.</p> | Hạ tuần tháng 3      | Hạ tuần tháng 6     | Hạ tuần tháng 9      |
| <p><b>Bước 7: Nhập cảnh vào Nhật Bản</b></p>   | Thượng tuần tháng 4  | Thượng tuần tháng 7 | Thượng tuần tháng 10 |

## 5. Học Phí

Kỳ hạn nộp học phí của các khóa học như sau. (Việc chuyển tiền hãy tham khảo trang 6)

◆ Khóa dự bị tiếng nhật 2 năm (nhập học tháng 4)

|                           |   |                      |
|---------------------------|---|----------------------|
| Kỳ 1<br>(Nộp vào tháng 3) | Tiền nhập học                                     | 51,000 yên           |
|                           | Học phí (1 năm)                                   | 580,000 yên          |
|                           | Phí giáo trình (1 năm)                            | 44,000 yên           |
|                           | Khám sức khỏe và phí bảo hiểm chấn thương (1 năm) | 12,000 yên           |
|                           | Cộng gộp vào                                      | 687,000 yên          |
| Kỳ 2<br>(Nộp vào tháng 2) | Học phí (6 tháng)                                 | 290,000 yên          |
|                           | Phí giáo trình (6 tháng)                          | 22,000 yên           |
|                           | Khám sức khỏe và phí bảo hiểm chấn thương (1 năm) | 12,000 yên           |
|                           | Cộng gộp vào                                      | 324,000 yên          |
| Kỳ 3<br>(Nộp vào tháng 8) | Học phí (6 tháng)                                 | 290,000 yên          |
|                           | Phí giáo trình (6 tháng)                          | 22,000 yên           |
|                           | Cộng gộp vào                                      | 312,000 yên          |
| <b>Tổng cộng</b>          |   | <b>1,323,000 yên</b> |

◆ Khóa dự bị tiếng nhật 1 năm 9 tháng (nhập học tháng 7)

|                           |   |                      |
|---------------------------|---|----------------------|
| Kỳ 1<br>(Nộp vào tháng 6) | Tiền nhập học                                       | 51,000 yên           |
|                           | Học phí (1 năm)                                     | 580,000 yên          |
|                           | Phí giáo trình (1 năm)                              | 44,000 yên           |
|                           | Khám sức khỏe và phí bảo hiểm chấn thương (1 năm)   | 12,000 yên           |
|                           | 合計  | 687,000 yên          |
| Kỳ 2<br>(Nộp vào tháng 5) | Học phí (3 tháng)                                   | 145,000 yên          |
|                           | Phí giáo trình (3 tháng)                            | 11,000 yên           |
|                           | Khám sức khỏe và phí bảo hiểm chấn thương (9 tháng) | 9,000 yên            |
|                           | Cộng gộp vào  | 165,000 yên          |
| Kỳ 3<br>(Nộp vào tháng 8) | Học phí (6 tháng)                                   | 290,000 yên          |
|                           | Phí giáo trình (6 tháng)                            | 22,000 yên           |
|                           | Cộng gộp vào  | 312,000 yên          |
| <b>Tổng cộng</b>          |   | <b>1,164,000 yên</b> |

◆ Khóa dự bị tiếng nhật 1 năm 6 tháng (nhập học tháng 10)

|                           |   |                      |
|---------------------------|---|----------------------|
| Kỳ 1<br>(Nộp vào tháng 9) | Tiền nhập học                                       | 51,000 yên           |
|                           | Học phí (1 năm)                                     | 580,000 yên          |
|                           | Phí giáo trình (1 năm)                              | 44,000 yên           |
|                           | Khám sức khỏe và phí bảo hiểm chấn thương (1 năm)   | 12,000 yên           |
|                           | Cộng gộp vào  | 687,000 yên          |
| Kỳ 2<br>(Nộp vào tháng 8) | Học phí (6 tháng)                                   | 290,000 yên          |
|                           | Phí giáo trình (6 tháng)                            | 22,000 yên           |
|                           | Khám sức khỏe và phí bảo hiểm chấn thương (6 tháng) | 6,000 yên            |
|                           | Cộng gộp vào  | 318,000 yên          |
| <b>Tổng cộng</b>          |   | <b>1,005,000 yên</b> |

※ Tất cả các khóa học, khi nộp đơn xin nhập học phải chi trả thêm 20,000 yên lệ phí xét tuyển hồ sơ.

## 6. Chế độ miễn giảm học phí

Cho đến kỳ hạn nộp học phí trước khi nhập học, người xin nhập học có thành tích tốt trong các kỳ thi năng lực tiếng Nhật, NAT-TEST, J.TEST thì sẽ được miễn giảm 1 phần học phí như sau.

○Thi đậu kỳ thi năng lực tiếng Nhật N2 trở lên, NAT-TEST cấp 2 trở lên, trình độ A-D của J.TEST trên 550 điểm trở lên.

→ Được miễn 51,000 yên lệ phí nhập học và được miễn 20,000 yên lệ phí xét tuyển hồ sơ.

○Thi đậu kỳ thi năng lực tiếng Nhật N3 trở lên, NAT-TEST cấp 3 trở lên, trình độ A-D của J.TEST đạt trên 550 điểm trở lên..

→ Được miễn 51,000 yên lệ phí nhập học.

○Thi đậu kỳ thi năng lực tiếng Nhật N4, NAT-TEST cấp 4, trình độ E-F của J.TEST trên 350 điểm.

→ Được miễn 20,000 yên lệ phí xét tuyển hồ sơ.

## 7. Về ký túc xá

Ký túc xá có ngay trong khuôn viên trường, vì vậy không phải tốn kén chi phí và thời gian đi lại. Gần trường có siêu thị, ngân hàng, bưu điện, có thể đi bộ với cự ly ngắn cho nên rất tiện lợi

**Phí ký túc xá khi vào ở lần đầu**

Khi vào ký túc xá, phải trả tiền đăng ký vào ký túc và **6 tháng tiền phòng (※ 1 đã bao gồm phí ga, điện, nước)**. Tuy nhiên, sau khi vào ở thì mỗi tháng phải chi trả thêm **※ 2 phí sử dụng chung**.

| Dạng phòng    | Tiền đăng ký vào ký túc | Tiền phòng (6 tháng) | Tổng cộng   |
|---------------|-------------------------|----------------------|-------------|
| Phòng 3 người | 30,000 yên              | 100,000 yên          | 130,000 yên |
| Phòng 2 người | 30,000 yên              | 112,500 yên          | 142,500 yên |
| Phòng 1 người | 30,000 yên              | 125,000 yên          | 152,500 yên |

-----Xin lưu ý -----

Lần đầu vào ký túc xá sẽ ký hợp đồng là 6 tháng, xin lưu ý nếu giữa chừng hủy hợp đồng thì sẽ không được hoàn trả lại số tiền nhà đã đóng. Hợp đồng được ký 6 tháng như sau.

|                                 |  |
|---------------------------------|--|
| Trường hợp nhập học kỳ tháng 4  | Ký hợp đồng từ ngày 1 tháng 4 đến hết ngày 30 tháng 9  |
| Trường hợp nhập học kỳ tháng 7  | Ký hợp đồng từ ngày 1 tháng 7 đến hết ngày 31 tháng 12 |
| Trường hợp nhập học kỳ tháng 10 | Ký hợp đồng từ ngày 1 tháng 10 đến hết ngày 31 tháng 3 |

Sau khi hết hợp đồng 6 tháng đầu thì chi phí ký túc xá kế tiếp sẽ được tính như sau (từ tháng thứ 7).

Mỗi tháng sẽ phải trả tiền ký túc (**※ 1 đã bao gồm phí ga, điện, nước**) và chi trả **※ 2 phí sử dụng chung**.

| Dạng phòng    | Tiền phòng (1 tháng) |
|---------------|----------------------|
| Phòng 3 người | 20,000 yên           |
| Phòng 2 người | 22,500 yên           |
| Phòng 1 người | 25,000 yên           |

**※ 1 Phí ga, điện, nước:** Nếu sử dụng quá lượng cho phép thì sẽ có trường hợp bị yêu cầu thanh toán thêm.

**※ 2 phí sử dụng chung:** Là lệ phí sử dụng chung như xử lý rác, vệ sinh.... Mỗi tháng khoảng 1000 yên.

## 8. Các phí dụng khác

---

|                                 |           |  |
|---------------------------------|-----------|--|
| Tiền đón rước                   | 5,000yên  | Chi phí thuê xe để đi đón từ sân bay đến trường sau khi nhập cảnh.<br>(nếu bạn bè hay người nhà đi đón thì sẽ không tốn phí này)   |
| Tiền chăn, ga, gối đệm          | 10,000yên | Là tiền chăn, ga, gối, bao áo gối và đệm.<br>(nếu bản thân tự chuẩn bị thì không cần chi trả phí này)  |
| Phí chuyển khoản ngân hàng      |           | Khi chuyển tiền từ nước ngoài, cả ngân hàng bản địa và ngân hàng Nhật Bản đều phát sinh lệ phí giao dịch, vì vậy học sinh phải thanh toán lệ phí ở cả hai ngân hàng. Nếu số tiền gửi bị trừ lệ phí này thì sau khi đến Nhật trường sẽ trừ lại từ học sinh. |
| Tiền bảo hiểm sức khỏe quốc dân |           | Tham gia bảo hiểm sức khỏe Quốc dân là nghĩa vụ của mỗi người. Học sinh sẽ trực tiếp đóng tiền tại cơ quan chức năng nơi sinh sống.  |

## 9. Chuyển khoản

Khi chuyển khoản, xin hãy chuyển vào tài khoản của Học viện Subaru trường Motosu có danh nghĩa là “ Học viện Subaru Hosono Takeshi”

Trường hợp chuyển tiền trong nước

|                 |                            |
|-----------------|----------------------------|
| 銀行名<br>ぎんこうめい   | 十六銀行<br>じゅうろくぎんこう          |
| 支店<br>しでん       | 北方支店<br>きたがたしてん            |
| 口座番号<br>こうざばんごう | (普通) 1557253<br>ふつう        |
| 口座名義<br>こうざめいぎ  | スバル学院 細野 武<br>がくいん ほその たけし |

Trường hợp gửi từ nước ngoài

|                       |   |
|-----------------------|---|
| NAME OF BANK          | THE JUROKU BANK,LTD.                                    |
| SWIFT CODE            | JUROJPJT  |
| NAME OF BRANCH OFFICE | KITAGATA BRANCH   |
| BRANCH ADDRESS        | 3-18,HIGASHIKAMO, KITAGATA-CHO, MOTOSU-GUN, GIFU, JAPAN |
| A/C NO.               | 1557253   |
| A/C NAME              | SUBARUGAKUIN HOSONO TAKESHI                             |
| BENEFICIARY’S ADDRESS | 1963 KAMIMAKUWA, MOTOSU-SHI, GIFU, JAPAN                |

## 10. Quy định hoàn trả lại tiền đã nộp

### Quy định hoàn trả lại tiền đã nộp

- ① Trường hợp không được cấp giấy chứng nhận lưu trú  
Trừ số tiền lệ phí nộp đơn xong thì sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nộp.
- ② Trường hợp được cấp giấy chứng nhận lưu trú nhưng không tiến hành xin visa và không đến Nhật.  
Trừ số tiền lệ phí nộp đơn và tiền nhập học thì sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nộp. Tuy nhiên phải trả lại giấy chứng nhận tư cách lưu trú và giấy phép nhập học.
- ③ Trường hợp đã tiến hành xin visa tại cơ quan ngoại giao ở nước ngoài nhưng không được chấp nhận nên không đến Nhật được.  
Trừ số tiền lệ phí nộp đơn và tiền nhập học thì sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nộp. Tuy nhiên phải trả lại giấy phép nhập học và giấy xác nhận việc đã không được cấp phát visa tại cơ quan ngoại giao.
- ④ Trường hợp đã xin được visa nhưng từ chối việc nhập học trước khi đến Nhật  
Nếu có thể xác nhận được visa nhập cảnh đã hết hạn vẫn chưa sử dụng, Trừ số tiền lệ phí nộp đơn và tiền nhập học thì sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nộp. Tuy nhiên phải trả lại giấy phép nhập học.
- ⑤ Học sinh đã có visa nhập cảnh và đến Nhật để học, nhưng nghỉ học giữa chừng. Trên nguyên tắc số tiền đã nộp thì không được trả lại. Tuy nhiên sau khi đến Nhật mà không nhập học thì sẽ xem giống như là nghỉ học giữa chừng và sẽ không được trả lại tiền đã nộp.

※ Lệ phí phát sinh ra khi trả lại tiền qua ngân hàng thì sẽ bị trừ từ số tiền trả lại.



## 11. Về chứng nhận trình độ học vấn sau cùng (đối tượng là học sinh Việt Nam)

Học sinh Việt Nam cần phải chứng nhận trình độ học vấn sau cùng tại Cục đào tạo với nước ngoài - Bộ giáo dục và đào tạo. Hãy làm thủ tục chứng nhận trên trang web để gửi đến trường. Có 4 loại giấy chứng nhận như sau.

- ① Giấy chứng nhận kết quả thi nhập học vào đại học
- ② Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông cấp ba
- ③ Giấy chứng nhận bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng
- ④ Giấy chứng nhận bằng tốt nghiệp trung học phổ thông cấp ba

Phải tiến hành làm các thủ tục chứng nhận thích hợp tương ứng với học vấn cuối cùng của mình theo như hướng dẫn trong trang web ghi dưới đây.

Cơ quan chứng nhận

Cục Khai thác giáo dục quốc tế (tên Việt Nam): CỤC ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI - BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
<http://japan.ciec.vn>

Những điều cần chú ý:

- . Hãy tham khảo phương pháp chứng nhận, chi phí, thời gian nhận được trên trang web của cơ quan chứng nhận.
- . Sẽ phát hành trong vòng 20 ngày sau khi thụ lý hồ sơ. Tuy nhiên, nếu trường hợp đặc biệt thì sẽ không có giới hạn, hãy nhanh chóng tiến hành làm thủ tục chứng nhận.
- . Khi làm thủ tục xin chứng nhận trên web, phải điền những thông tin cần thiết sau đó phải ghi vào màng hình phần nhập tên trường nơi gửi đến sau khi phát hành giấy chứng nhận, nhất định phải ghi tên trường bằng tiếng anh là SUBARU LANGUAGE SCHOOL, MOTOSU. Hãy lưu ý giấy chứng nhận không được Bộ giáo dục và đào tạo cục đào tạo với nước ngoài trực tiếp gửi cho trường thì không có hiệu lực, vì vậy cần phải thật chú ý). Tuy nhiên, mã số cơ quan của SUBARU LANGUAGE SCHOOL, MOTOSU là B692. Hãy tiến hành Nhập mã số của trường đúng để bị nhầm lẫn. Hãy chú ý, nếu nhập tên trường hay mã số bị sai thì giấy chứng nhận sẽ bị gửi đến cơ quan khác.

